

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 -TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày: 11-7-2025

“V/v tranh chấp thừa kế quyền sử
dụng đất và hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Long.

2. Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra
viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh: bà Phạm Thị
Thúy Duy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 -
Tây Ninh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số
331/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024, thụ lý bổ sung ngày 14/01/2025
và ngày 15/5/2025 về việc “tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và hợp đồng tín
dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2025/QĐXXST-DS ngày 21
tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 97/2025/QĐST-DS ngày 11
tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trương Thị Kim A, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số 119/2A Đường số 5, phường M, thành phố N, Thành phố Y (nay
là phường M, Thành phố Y).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn L, sinh
năm 1960.

Địa chỉ: số 1069/3/2 Quốc lộ 50, ấp 3A, xã P, huyện Q, Thành phố Y (nay là
xã , xã P, Thành phố Y).

3. Bị đơn: ông Trương Văn B, sinh năm 1960.

Địa chỉ: số 236/5 ấp Bình An, xã R, huyện S, tỉnh U (nay là xã R, tỉnh X).

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1932.

Địa chỉ: ấp Bình Trị 1, xã R, huyện S, tỉnh U'(nay là xã R, tỉnh X).

4.2. Bà Trương Thị Ngọc D, sinh năm 1988.

4.3. Ông Trương Tấn Đ, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: số 236/5 ấp Bình An, xã R, huyện S, tỉnh U'(nay là xã R, tỉnh X).

4.4. Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh U'(nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5-X).

Địa chỉ: số 56/6 Đỗ Tường Phong, Khu phố 3, thị trấn U, huyện S, tỉnh U'(nay là xã U, tỉnh X).

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Thanh E – Chi cục trưởng.

4.5. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank).

Địa chỉ: số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn Vượng - Tổng Giám Đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Lê O – Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện S, tỉnh Long An.

Địa chỉ: Đường Phan Văn Đạt, Khu phố 3, thị trấn U, huyện S, tỉnh U'(nay là xã U, tỉnh X).

Người đại diện theo uỷ quyền lại: bà Trương Ngọc Quỳnh Ê – Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện S, tỉnh Long An.

4.6. Ông Trương Tấn F, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số 236/5 ấp Bình An, xã R, huyện S, tỉnh U'(nay là xã R, tỉnh X).

3.7. Ông Trương Văn G, sinh năm 1976 – Chủ hộ kinh doanh Đại lý A.Tám Mãi.

Địa chỉ: số 220/8, ấp Bình Thới 2, xã R, huyện S, tỉnh U'(nay là xã R, tỉnh X).

Người đại diện theo ủy quyền của của ông G: bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: số 1/6A, khu phố Hồi Xuân, thị trấn U, huyện S, tỉnh U'(nay là xã U, tỉnh X).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông G: Luật sư Trần Văn Cường – Văn phòng luật sư Trần Văn Cường thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An.

3.8. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1966.

Địa chỉ: số 236/5 ấp Bình An, xã R, huyện S, tỉnh U'(nay là xã R, tỉnh X).

(Ông L, ông B, bà H có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại và luật sư Cường vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2024 của nguyên đơn Trương Thị Kim Duyên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn L đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Cha, mẹ của bà Trương Thị Kim A là ông Trương Văn B và bà Cao Thị Lệ (mất ngày 19/5/1998). Ông B, bà Lệ chung sống với nhau từ năm 1979 đến năm 1998 không đăng ký kết hôn. Ông B, bà Lệ có tất cả 3 người con gồm: Trương Thị Kim Duyên, Trương Thị Ngọc Bích, Trương Tấn Linh. Cha bà Lệ đã chết, mẹ bà Lệ là bà Lê Thị Tiệm; bà Lệ không có cha mẹ nuôi, không có con riêng, không có con nuôi. Bà Lệ chết không để lại di chúc nên di sản chia theo pháp luật.

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của Cao Thị Lệ có tất cả 5 người: Trần Thị Tiệm (mẹ ruột bà Lệ), Trương Văn Thanh (chồng bà Lệ), Trương Thị Kim Duyên, Trương Thị Ngọc Bích, Trương Tấn Linh.

Tài sản chung của ông B, bà Lệ gồm có:

- Thửa đất số 454, tờ bản đồ số 21, diện tích 149,5m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã R, huyện S, tỉnh U theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 767534 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh U cấp ngày 14/04/2017 đứng tên Trương Văn Thanh,

- Thửa đất số 2948, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.847m², loại đất lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 804845 do UBND huyện S, tỉnh U cấp ngày 23/9/2010 đứng tên Trương Văn Thanh (thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ). Thông tin thửa đất mới thay đổi: thửa đất số 253, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.592,5m², loại đất lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 027897 do UBND huyện S cấp ngày 24/7/2013 đứng tên Trương Văn Thanh.

Hiện tại thửa đất 253, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.592,5m² loại đất lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BP 027897 đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh huyện S, tỉnh U với số tiền vay là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng),

Nguồn gốc 2 thửa đất trên là của ông nội bà A là ông Trương Văn Muộn cho cha mẹ bà A từ năm 1980. Lúc đó đất còn rất hoang sơ, cha mẹ bà A phải bỏ công khai phá từ từ và đắp nền cất nhà ở. Đầu tiên là cất nhà lá, đến năm 1990 thì cất nhà cấp 4 (tường, cột bê tông, nền gạch, mái tôn, diện tích khoảng 100m²) ở từ đó cho đến nay. Năm 1998 bà Lệ mất, nhưng ngày 08/09/2010 ông Trương Văn Muộn vẫn ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho cha mẹ bà A (Trương Văn Thanh và Cao Thị Lệ). Khi nộp hồ sơ xin cấp giấy thì UBND huyện S không thể cấp cho người đã mất nên trong hợp đồng tặng cho xác nhận tại UBND xã R cùng ngày 08/9/2010 vẫn giữ nguyên nội dung và hình thức của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất chỉ bỏ đi tên Cao Thị Lệ cho phù hợp để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, sau khi mẹ bà A mất mặc dù chỉ một mình cha bà A đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2 thửa đất trên nhưng đó là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Bởi vì ông

Trương Văn Muộn đã tặng cho quyền sử dụng đất 2 thửa đất trên cho cha mẹ bà A từ năm 1980 và ông B, bà Lê có công khai phá, bồi đắp, cất nhà ở từ đó đến nay. Hiện Nay ông Trương Văn Muộn vẫn còn sống, vẫn không thay đổi ý định tặng cho quyền sử dụng đất 2 thửa đất trên cho ông B, bà Lê trước đây.

Nay bà A làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án chia thừa kế phần di sản của Cao Thị Lê để lại, cụ thể như sau:

- Thửa đất 253, tờ bản đồ số 15, diện tích 2592,5m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp Bình An, xã R, huyện S, tỉnh Ugiấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 027897 do UBND huyện S cấp ngày 24/7/2013.

- Thửa đất số 454, tờ bản đồ số 21, diện tích 149,5m² loại đất ở nông thôn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 767534 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh U cấp ngày 14/04/2017 đứng tên Trương Văn Thanh.

Do các anh em bà A cùng giỗ bà Lê nên 1 kỷ phần thừa kế mà ông B lẽ ra được nhận từ di sản của bà Lê nhưng ông B không nhận mà giao cho anh, em của bà để cùng giỗ mẹ bà. Vì ông B đã có vợ khác và có con riêng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản chung của bà Lê để lại 2 thửa đất nêu trên tạm tính là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) nên bà A yêu cầu Toà án phân chia như sau:

+ Ông B được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, tương ứng là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng); bà Trần Thị C, bà Trương Thị Kim A, bà Trương Thị Ngọc D, ông Trương Tấn Đ được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị di sản tương ứng 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), chia làm 4 kỷ phần thừa kế, mỗi kỷ phần tương ứng 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Do đó, bà Trần Thị C được nhận 150.000.000 đồng, bà Trương Thị Ngọc D được nhận 150.000.000 đồng, ông Trương Tấn Đ được nhận 150.000.000 đồng, ông Trương Văn B được nhận 600.000.000 đồng, bà Trương Thị Kim A được nhận 150.000.000 đồng và bà Trương Thị Kim A xin nhận giá trị bằng tiền.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án thu thập kết quả đo đạc, định giá tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S để giải quyết vụ án, không yêu cầu Tòa án tiến hành đo đạc, định giá lại.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Văn B trình bày: ông Trương Văn B, vợ ông là Cao Thị Lê mất ngày 19/5/1998, vợ chồng ông không đăng ký kết hôn, có tất cả 3 người con chung Trương Thị Kim Duyên, Trương Thị Ngọc Bích, Trương Tấn Linh. Cha vợ ông Cao Văn Liêu mất trước vợ ông, mẹ vợ ông tên Trần Thị Tiêm, sinh năm 1932 hiện còn sống. Vợ ông không cha mẹ nuôi, con nuôi, con riêng. Cha ông là Trương Văn Muộn có cho vợ chồng 02 thửa đất:

1. Thửa đất 454, tờ bản đồ số 21, diện tích 149,5m², loại đất ở nông thôn, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 767534 cấp ngày 14/4/2017.

2. Thửa đất số 253, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.592m² loại đất lúa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 027897. Lúc cho đất còn rất hoang sơ, vợ chồng đã khai phá từ từ và cất nhà ở ổn định từ năm 1980 đến nay. Đầu tiên là cất nhà lá đến năm 1990 thì cất nhà cấp 4 tường, cột bê tông nền gạch mái tôn diện tích khoảng 100m².

Năm 1998 vợ ông mất, nhưng ngày 08/9/2010 cha ông là Trương Văn Muộn vẫn ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất trên cho vợ chồng ông. Hiện nay ông Muộn vẫn còn sống, vẫn không thay đổi ý định tặng cho 2 thửa đất trên cho vợ chồng ông. Do vợ ông mất năm 1998 nên đến năm 2013, năm 2017 ông mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không thể ghi tên vợ ông trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông thống nhất nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản còn lại, $\frac{1}{2}$ chia cho 04 người gồm bà C, bà A, bà D, ông Đ. Còn 01 kỷ phần thừa kế lẽ ra ông được nhận nhưng do ông có vợ mới có con riêng. Các con ông chăm lo cúng giỗ cho vợ ông là bà Lệ nên ông không nhận phần này. Ông tặng cho các con của ông.

Ông yêu cầu Tòa án thu thập kết quả đo đạc, định giá tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S để giải quyết vụ án, không yêu cầu Tòa án tiến hành đo đạc, định giá lại.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 07/5/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Thị Ngọc D trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu của bên nguyên đơn, yêu cầu chia thừa kế đối với 02 thửa đất nêu trên. Bà thống nhất nhận thừa kế bằng hiện vật và được đồng thừa kế đối với thửa đất số 454, tờ bản đồ số 21, diện tích 149,5m², loại đất ở nông thôn, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 767534 cấp ngày 14/4/2017.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 07/5/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Tấn Đ trình bày: ông thống nhất với yêu cầu của bên nguyên đơn, yêu cầu chia thừa kế đối với 02 thửa đất nêu trên. Ông thống nhất nhận thừa kế bằng hiện vật và được đồng thừa kế đối với thửa đất số 454, tờ bản đồ số 21, diện tích 149,5m², loại đất ở nông thôn, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 767534 cấp ngày 14/4/2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim H đại diện theo ủy quyền của ông Trương Văn G trình bày: Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2024 của bà Trương Thị Kim A trình bày: bà Cao Thị Lệ là mẹ của bà A chết ngày 19/05/1998 có để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và bà A yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế.

Tuy nhiên xét thấy đơn khởi kiện của bà A đưa sót người thừa kế theo pháp luật của bà Cao Thị Lệ là ông Trương Tấn F, sinh năm 1981, địa chỉ: số nhà 236/5, ấp Bình An, xã R, huyện S, tỉnh U theo giấy khai sinh có cha tên là Trương Văn Thanh, có mẹ tên là Cao Thị Dung, bà Cao Thị Dung có tên theo hộ khẩu là Cao Thị Lệ.

Nay ông G yêu cầu Tòa án đưa ông Trương Tấn F là người thừa kế theo pháp luật của bà Cao Thị Lệ đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện nói trên. Vì ông Trương Tấn F là con của ông B nên không đưa ông F vào tham gia tố tụng là thiếu hàng thừa kế.

- Hiện ông B và ông F còn nợ ông G khoảng 1.070.000.000 đồng, nên ông G không đồng ý chia thừa kế vì nếu muốn chia thừa kế ông B và ông F phải trả hết số nợ còn thiếu.

- Đối với khoản vay tại Ngân hàng, ông G không đồng ý giao dịch này vì Ngân hàng cho ông B vay khi đang có quyết định kê biên và quyết định thi hành án nhưng Ngân hàng vẫn cho ông B vay tiền là không đúng pháp luật. Bà H đề nghị Tòa án

xác định phần tài sản ông B được thừa kế mà ông B đã đem thế chấp cho Ngân hàng là tài sản để đảm bảo thi hành án để ông G.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2025 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Ngọc Quỳnh Ê trình bày: ngày 13/05/2024 ông Trương Văn B và bà Nguyễn Thị K có ký hợp đồng tín dụng số: 6614-LAV-202400987 với Agribank - Chi nhánh huyện S, U số tiền cho vay là: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); Phương thức cho vay: cho vay từng lần; mục đích sử dụng vốn vay: trồng thanh long; thời hạn cho vay: 60 tháng; lãi suất vay: 10%/năm. Hiện còn dư nợ gốc: 200.000.000 đồng, nợ lãi đến ngày 09/05/2025 là: 4.876.712 đồng.

Khi thực hiện giao dịch vay không thỏa thuận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngân hàng giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 027897, diện tích: 2.592,5m², thửa số 253, tờ bản đồ số 15, đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp Bình An, xã R, huyện S, tỉnh Long An, do UBND huyện S tỉnh U cấp ngày 24/07/2013 do ông Trương Văn B đứng tên.

Tính đến hết ngày 10/7/2025, tổng dư nợ của Trương Văn Thanh và bà Nguyễn Thị K tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại Agribank - Chi nhánh huyện S U là: số tiền 203.178.082 đồng (hai trăm linh ba triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng), trong đó: nợ gốc: 200.000.000 đồng; nợ lãi: 3.178.082 đồng.

Nay Agribank - Chi nhánh huyện S Ủyêu cầu Tòa án Nhân dân huyện S, tỉnh Utuyên buộc ông Trương Văn B và bà Nguyễn Thị K phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại Agribank - Chi nhánh huyện S U là: số tiền 203.178.082 đồng (hai trăm linh ba triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng), trong đó: nợ gốc: 200.000.000 đồng; nợ lãi: 3.178.082 đồng.

+ Tuyên buộc ông Trương Văn B và bà Nguyễn Thị K phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại đồng tín dụng số 6614-LAV-202400987 ngày 13/05/2024 kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ban hành bản án/quyết định cho đến ngày thực tế ông B và bà K trả hết nợ gốc cho Agribank.

+ Tuyên buộc nếu ông B và bà K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Agribank thông qua Agribank - Chi nhánh huyện S U có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông B và bà K để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bên tranh luận:

- Ông Nguyễn Văn L đại diện cho nguyên đơn tranh luận: tổng giá trị tài sản 2 thửa đất trên 650 triệu đồng chia đôi cho ông B và ông B được hưởng một kỷ phần thừa kế nên gộp lại giao cho ông B thửa đất lúa để ông B trả nợ Ngân hàng và thi hành án cho ông G. Phần còn lại chia cho người thừa kế còn lại và chia chung nên những người thừa kế này nhận thửa đất thổ 253, nếu vượt quá giá trị được hưởng thì thôi hoàn giá trị bằng tiền.

Bà Lệ không liên quan đến khoản nợ của ông B phải trả cho Ngân hàng và thi hành án cho ông G, vì bà Lệ chết trước đó rất lâu, nợ là do ông B gây sau này.

- Ông Trương Văn B không tranh luận về quan hệ tranh chấp thừa kế. Tuy nhiên, đối với phần tranh chấp hợp tín dụng với Ngân hàng thì ông đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền hàng tháng đúng hạn, không vi phạm hợp đồng tín dụng ký kết với Ngân hàng nên ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của Ngân hàng.

- Bà Nguyễn Thị Kim H đại diện cho ông Trương Văn G tranh luận: yêu cầu giữ nguyên tài sản là 2 thửa đất cho ông B để ông B có tài sản thi hành khoản tiền khoảng 1 tỷ 100 triệu đồng cho ông G theo bản án đã có hiệu lực pháp luật; ông Trương Tấn F cần được xác định là người thuộc hàng thừa kế của bà Lê và Ủy ban nhân dân xã R, huyện S, tỉnh U đã xác định bà Dung và bà Lê là một người, ông F không thể từ chối di sản để trốn tránh thi hành án cho ông G. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S cho ông B vay số tiền gốc 200 triệu đồng không đăng ký thế chấp nên cần giao trả giấy chứng nhận lại để thực hiện công tác thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tòa án đã xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của đương sự. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng.

- Về nội dung:

Công văn số 988/UBND-TPHT ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã R, huyện S, tỉnh U về việc trả lời Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh U như sau: “...về nội dung xác định hàng thừa kế của đương sự:

1. Bà Cao Thị Lệ không có thông tin về việc đăng ký kết hôn tại UBND xã R.

2. Bà Cao Thị Lệ có các con theo sổ bộ đăng ký khai sinh tại UBND xã R gồm có:

+ Trương Thị Kim Duyên sinh năm 1986.

+ Trương Thị Ngọc Bích sinh năm 1988.

+ Trương Tấn Linh sinh năm 1995...”.

Căn cứ Công văn số 4361/CV.CNVPĐKĐĐ ngày 25/12/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai V/v Cung cấp tài liệu, chứng cứ quyền sử dụng đất như sau: “... - Hiện tại thửa đất số 253, tờ bản đồ số 15, diện tích 2592.5m², loại đất: LUC, thửa đất số 454, tờ bản đồ số 21, diện tích 149.5m², loại đất: ONT, đất tọa lạc tại xã R, huyện S, tỉnh U do ông Trương Văn B, địa chỉ thường trú: Ấp Bình An, xã R, huyện S, tỉnh U đứng tên.

- Hiện tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện S, tỉnh U chưa tiếp nhận hồ sơ đăng ký thế chấp cũng như hồ sơ chuyển quyền đối với thửa đất số 253, tờ bản đồ số 15, diện tích 2592,5m², loại đất: LÚC, thửa đất số 454, tờ bản đồ số 21, diện tích 149,5m², loại đất: ONT, đất tọa lạc tại xã R, huyện S, tỉnh Long An. Hai thửa đất trên hiện chưa có quyết định thu hồi, bồi thường từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền...”.

Tại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực ngày 08/09/2010 và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực ngày 10/03/2017 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện S, tỉnh U cung cấp thể hiện việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trương Văn Muộn tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn B là cha mẹ ruột tặng cho con ruột, hợp đồng cũng chỉ ghi tên của cá nhân ông Trương Văn B, không có tên của bà Cao Thị Lệ.

Tại Giấy khai sinh của ông Trương Tấn F, sinh ngày 23/6/1981 có cha tên Trương Văn Thanh và mẹ là bà Cao Thị Dung và Biên bản xác minh vào ngày 09/01/2025 tại UBND xã R của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh X xác định:

1. Bà Cao Thị Lệ và Cao Thị Dung là cùng 01 người.
2. Ông Trương Văn B và bà Lệ (Dung) có 04 người con chung gồm: Trương Tấn Cương, Trương Thị Kim Duyên, Trương Thị Ngọc Bích và Trương Tấn Linh.
3. Ông B có 02 người vợ là bà Cao Thị Lệ (Dung) và bà Nguyễn Thị K.

Xét thấy, ngày 08/09/2010 và ngày 10/03/2017 ông Trương Văn Muộn ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn B, tại thời điểm ký hợp đồng bà Cao Thị Lệ đã mất (năm 1998), việc tặng cho quyền sử dụng đất được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và ông B cũng được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, nên không có căn cứ để xác định các tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng ông B, bà Lệ mà là tài sản riêng của ông Trương Văn B. Tuy nhiên, nguồn gốc đất là của ông Muộn giao cho ông B, bà Lệ quản lý sử dụng từ năm 1980 đến nay nên xem xét công sức đóng góp của bà Lệ chia cho bà lệ 30% giá trị tài sản nêu trên.

Về yêu cầu chia thừa kế của bà A do bà Lệ đã mất không lập di chúc nên việc chia thừa kế sẽ được chia theo pháp luật, căn cứ Điều 651 Bộ luật dân sự hàng thừa kế thứ nhất của bà Lệ gồm: bà Trần Thị C, ông Trương Văn B, ông Trương Tấn F, bà Trương Thị Kim A, bà Trương Thị Ngọc D và ông Trương Tấn Đ. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.

Đối với yêu cầu của ông B về việc chuyển kỷ phần thừa kế của ông B cho các bà A, bà D, ông Đ. Ông B còn khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và khoản nợ mua bán tài sản của ông Trương Văn G nên để đảm bảo khả năng thanh toán của ông B đối với các khoản nợ và vay trên thì sẽ không xem xét chuyển kỷ phần của ông B cho các bà A, bà D và ông Đ mà vẫn giữ nguyên kỷ phần của ông B.

Do ông B được hưởng hơn 70% giá trị tài sản nêu trên nên giao cho ông B tiếp tục quản lý các tài sản nêu trên. Ông B có trách nhiệm thanh toán giá trị tương đương kỷ phần thừa kế cho bà A, bà D và ông Đ. Riêng bà C và ông F không có ý kiến trình bày hay yêu cầu độc lập trong vụ án này nên không xem xét việc chia kỷ phần thừa kế cho bà C, ông F nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có đơn khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn B và bà Nguyễn Thị K phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) là: 203.178.082 đồng. Xét thấy, ông Trương Văn B và bà Nguyễn Thị K vẫn trả lãi đúng hạn hàng tháng cho Ngân hàng theo đúng với hợp đồng tín dụng đã ký kết nên ông B, bà K không vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng buộc ông B, bà K về việc trả số tiền 203.178.082 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc tuyên buộc nếu ông B và bà K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trương Văn B và bà Nguyễn Thị K để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là không có căn cứ để chấp nhận, vì ông B, bà K không vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết và thừa đất mà ông B thế chấp cho Ngân hàng không có đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện, căn cước công dân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, hợp đồng ủy quyền, giấy ủy quyền, giấy khai sinh, bản tường trình, quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, quyết định thi hành án theo yêu cầu, phiếu xác nhận tình trạng cư trú, đơn xin xác nhận tặng cho quyền sử dụng đất, đơn xin xác nhận, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, hợp đồng tín dụng, bản tự khai, trích đo bản đồ địa chính, biên bản xem xét thẩm định tạo chỗ, quyết định không chấp nhận việc kháng cáo trễ hạn, biên bản khảo sát, xác định đất và tài sản gắn liền với đất, biên bản kê biên xử lý tài sản, đơn yêu cầu thi hành án, giấy báo vắng mặt, hợp đồng tín dụng, bảng kê tính lãi, giấy chứng nhận kết hôn, bản án, biên bản xác minh, biên bản hòa giải, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bà Trương Thị Kim A, bà Trương Thị Ngọc D, ông Trương Tấn Đ khởi kiện với yêu cầu ông Trương Văn B yêu cầu chia thừa kế đối với 02 thửa đất số 454, tờ bản đồ số 21, diện tích 149,5m² và thửa 253, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.592,5m² cùng tọa lạc tại xã R, huyện S, tỉnh Long An; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn B và bà Nguyễn Thị K thanh toán tính đến ngày 10/7/2025 là số tiền 203.178.082 đồng (hai trăm linh ba triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng), trong đó: nợ gốc: 200.000.000 đồng; nợ lãi: 3.178.082 đồng. Căn cứ Điều 5, khoản 3, 5, 9 Điều 26, Điều 34, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tòa án nhân dân khu vực 5 - X có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ để thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2] Bà Trần Thị C, ông Trương Tấn F, ông Trương Tấn Đ, bà Trương Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do; đồng thời đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh U có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2.3] Theo đương sự bà Cao Thị Lệ chết năm 1998 và các bên tranh chấp thừa kế bất động sản nên áp dụng Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 là còn thời hiệu khởi kiện.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn, bị đơn, đại diện ông G đều thống nhất yêu cầu Tòa án không tiến hành đo đạc, định giá tài sản tranh chấp mà yêu cầu sử dụng kết quả đo đạc, định giá do Chi cục Thi hành án dân sự huyện S thực hiện làm cơ sở giải quyết vụ án là chính đáng nên Tòa án không đo đạc, định giá lại tài sản tranh chấp.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N393309 ngày 15/01/1999 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho ông Trương Văn Muộn thừa đất số 84, tờ bản đồ số 06, diện tích 8.838m², tọa lạc tại xã R, huyện S, tỉnh Long An. Tại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã R, huyện S chứng thực số 69, quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 08/9/2010 thể hiện ông Trương Văn Muộn tặng cho ông Trương Văn B phần đất thuộc thửa 84 (một phần thửa), tờ bản đồ số 06, diện tích 2.487m², tọa lạc tại xã R, huyện S, tỉnh U theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 393309 do UBND huyện S cấp ngày 15/01/1999. Trên cơ sở đó, ông B được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 804845 ngày 23/9/2010 đối với thửa đất số 2948, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.487m², tọa lạc tại xã R, huyện S, tỉnh Long An. Theo đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 06/6/2012 thể hiện thửa 2948, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.487m² thành thửa 253, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.592,5m².

Tại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã R, huyện S chứng thực số 59, quyền số 01/2017 ngày 10/3/2017 thể hiện ông Trương Văn Muộn tặng cho ông Trương Văn B phần đất thuộc thửa 94 (một phần thửa), tờ bản đồ số 21, diện tích 149,5m², tọa lạc tại xã R, huyện S, tỉnh U theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 027951 ngày 24/7/2013. Trên cơ sở đó, ông B được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh U cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 767534 ngày 14/4/2017 đối với thửa đất số 454, tờ bản đồ số 21, diện tích 149,5m², tọa lạc tại xã R, huyện S, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Mảnh trích đo địa chính số 197-2024 và số 196-2024 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 26/8/2024, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện S (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực U) duyệt ngày 04/9/2024 thể hiện thửa đất 454 nêu trên có diện tích qua đo đạc thực tế là 133,5m², loại đất ở nông thôn; thửa đất 253 có diện tích 2.339m² loại đất lúa.

Các đương sự thống nhất căn cứ vào Biên bản khảo sát, xác định đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S để xác định giá trị 2 thửa đất nêu trên. Do đó, thửa đất 454 có giá là 133,5m² x 1.960.000 đồng/m² = 261.660.000 đồng và thửa đất số 253 có giá 2.339m² x 133.000 đồng/m² = 311.087.000 đồng. Tổng cộng là 572.747.000 đồng.

[3.2] Tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng ông Muộn cho ông B và bà Lê 02 thửa đất nêu trên từ năm 1980 nhưng không có giấy tờ chứng minh, trong khi ông Muộn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phần đất nêu trên vào năm 1999; hơn nữa hợp đồng tặng quyền sử dụng đất chỉ thể hiện cho ông B vào năm 2010 và năm 2017 như nêu trên. Tuy nhiên, bà Lê là vợ ông B cùng canh tác đất trên thực tế với ông B trong khoảng thời gian như nguyên đơn trình bày là từ 1980 đến 1998 là 18 năm nên cần tính công sức đóng góp cho bà Lê bằng 30% giá trị 2 thửa đất nêu trên là 572.747.000 đồng x 30% = 171.824.100 đồng; không có cơ sở xác định bà Lê đồng chủ quyền với ông B đối với 02 thửa đất nêu trên.

[3.2] Về hàng thừa kế: Các đương sự thừa nhận hàng thừa kế của bà Cao Thị Lệ gồm có bà Lê Thị Tiêm (mẹ bà Lê), ông Trương Văn B (chồng bà Lê), bà Trương Thị Kim A, bà Trương Thị Ngọc D, ông Trương Tấn Đ (cùng là con bà Lê). Đồng thời không thừa nhận ông Trương Tấn F, sinh năm 1981 là con bà Lê mà cho rằng ông F là con của ông B với bà Cao Thị Dung. Tuy nhiên, ông B cùng bà A, bà D, ông Đ không chứng minh được ông B có vợ là bà Dung, trong khi Ủy ban nhân dân xã R xác định bà Dung và bà Lê là một người. Do đó, ông Trương Tấn F thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê. Vì vậy, lời trình bày của người đại diện cho ông G là có cơ sở.

[3.3] Di sản của bà Cao Thị Lệ để lại được phân chia theo giá trị như sau: 171.824.100 đồng : 6 người = 28.637.350 đồng mỗi kỹ phần. Như vậy, ông B, bà C, bà A, bà D, ông Đ, ông F mỗi người được hưởng 28.637.350 đồng.

[3.4] Tại bản án dân sự sơ thẩm số 140/2023/DS-ST ngày 18-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Uđang có hiệu lực pháp luật thể hiện ông Trương Văn B và ông Trương Tấn F còn nợ ông Trương Văn G số tiền 1.077.808.000 đồng; đồng thời kỹ phần được chia của bà C, bà A, bà D, ông Đ, ông F là nhỏ nên không đủ điều kiện được bằng hiện vật là quyền sử dụng đất nên cần giao cho ông B toàn bộ 02 thửa đất nêu trên và buộc ông B giao lại kỹ phần thừa kế bằng tiền cho bà A, bà D, ông Đ, còn ông F, bà C khi có yêu cầu tranh chấp thừa kế.

[3.5] Đối với tài sản trên đất các đương sự trình bày trước phiên tòa là không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.6] Tại hợp đồng tín dụng số 6614-LAV-20240987 ngày 13/5/2024 thể hiện ông Trương Văn B và bà Nguyễn Thị K có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện S, tỉnh U số tiền gốc 200.000.000 đồng với mục đích sử dụng vốn vay: trồng thanh long; thời hạn cho vay: 60 tháng (đến hết ngày 13/5/2029); lãi suất vay: 10%/năm. Ông B trình bày trước phiên tòa là đã trả nợ theo kỳ đúng hạn, không vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B, bà K nhưng không xuất trình được tài liệu chứng minh ông B, bà K vi phạm các điều khoản của hợp đồng, trong khi hợp đồng chưa đến hạn ngày 13/5/2029. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3.6] Theo tài liệu có trong hồ sơ, Ngân hàng thừa nhận trong quá trình cho ông B, bà K vay vốn có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 253 nêu trên mà không thực hiện thủ tục thế chấp theo quy định là không đúng quy định pháp luật hiện hành. Ngân hàng cần giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền để đảm bảo thi hành án.

[4] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Người được hưởng kỷ phần thừa kế phải chịu án phí tương ứng với giá trị được hưởng; Ngân hàng phải chịu án theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông B đã trên 60 tuổi nên được miễn theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 34, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 292, 293, 295, 299, 317, 318, 319, 320, 463, 466, 609, 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 45 Luật Đất đai năm 2024; Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim A, bà Trương Thị Ngọc D, ông Trương Tấn Đ về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất với ông Trương Văn B.

[1.1] Buộc ông Trương Văn B giao cho bà Trương Thị Kim A, bà Trương Thị Ngọc D, ông Trương Tấn Đ mỗi người 28.637.350 đồng (hai mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, ba trăm năm mươi đồng).

[1.2] Ông Trương Văn B được toàn quyền sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai đối với thửa đất số 454, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã R, huyện S, tỉnh U theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 767534 ngày 14/4/2017 và thửa 253, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã R, huyện S, tỉnh U theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 027897 ngày 24/7/2013.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) đối với ông Trương Văn B và bà Nguyễn Thị K.

[3] Không chấp một phần yêu cầu bà Trương Thị Kim A, bà Trương Thị Ngọc D, ông Trương Tấn Đ về việc yêu cầu hưởng kỷ phần thừa kế bằng hiện vật và giá trị theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu độc lập.

[4] Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện chịu của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Miễn toàn bộ cho ông Trương Văn B.

[5.2] Buộc bà Trương Thị Kim A, bà Trương Thị Ngọc D, ông Trương Tấn Đ mỗi người phải chịu 1.431.868 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí do bà Trương Thị Ngọc D nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0010975 ngày 12/5/2025, ông Trương Tấn Đ nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0010967 ngày 12/5/2025, bà Trương Thị Kim A nộp 3.750.000 đồng theo biên thu số 0009168 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Long An. Hoàn lại cho ông Đ, bà D mỗi người 568.132 đồng, hoàn lại cho bà A số tiền 2.318.133 đồng.

[5.3] Buộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) phải chịu 10.158.904 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án 5.122.000 đồng 0010989 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Long An. Ngân hàng phải nộp thêm 5.036.904 đồng.

[6] Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa và kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh X;
- VKSND khu vực 5 - X;
- Thi hành án dân sự tỉnh X;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Cảnh